

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt phương án giao đất tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến – Diêm Vân (Đợt 9).**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến – Diêm Vân;*

*Căn cứ Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến – Diêm Vân (đợt 29) và Quyết định số 3434/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến – Diêm Vân (đợt 36);*

*Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể (tái định cư và theo thị trường) tại Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận;*

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 334/TTr-STNMT ngày 06/4/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án giao đất tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân, với nội dung chính như sau:

- Bố trí cho 03 hộ gia đình 03 lô đất tái định cư, với tổng diện tích là 413,69m<sup>2</sup> tại Khu tái định cư vùng ngập lũ thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

- Tiền sử dụng đất các hộ phải nộp vào ngân sách nhà nước là 1.530.209.000 đồng (Một tỷ, năm trăm ba mươi triệu, hai trăm lẻ chín ngàn đồng).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, các cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

**Bảng tổng hợp giao đất tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân (đợt 9)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| TT   | Họ và tên                                | Địa chỉ                        | Thông tin thửa đất bị thu hồi đất |          |                   |                                          |                                             |                       | Thông tin lô đất tái định cư |                                                  |                          |                      |                      |                    |                                  |                                 | Ghi chú                                  |                                    |
|------|------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|----------|-------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------|
|      |                                          |                                | Thửa                              | Tờ<br>ĐD | Diện<br>tích (m2) | DT thu<br>hồi đất<br>ở (m <sup>2</sup> ) | DT thu<br>hồi đất<br>nông<br>nghiệp<br>(m2) | DT<br>còn lại<br>(m2) | Vị trí<br>lô đất             | Khu tái định cư                                  | Tên<br>đường, lộ<br>giới | Kích thước<br>(m)    | Diện<br>tích<br>(m2) | Hệ<br>số lô<br>góc | Giá đất tái<br>định cư<br>(đồng) | Giá đất thị<br>trường<br>(đồng) |                                          | Tổng tiền sử<br>dụng đất (đồng)    |
| (1)  | (2)                                      | (3)                            | (4)                               | (5)      | (6)               | (7)                                      | (8)                                         | (10)                  | (11)                         | (12)                                             | (13)                     | (14)                 | (15)                 | (16)               | (17)                             | (18)                            | (19) = (7) x (17) +<br>[(15)-(7)] x (18) |                                    |
| 1    | Hộ ông Phan Đức Thu                      | Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận | 18                                | 56       | 332,90            | 185,90                                   | 0,00                                        | 147,00                | Lô số 02, khu NO-06          | Khu TĐC vùng ngập lũ thôn Quảng Vân, Phước Thuận | Đường ĐS2, lộ giới 10m   | 8,0m x 24,61(22,67)m | 189,12               | 1,0                | 3.500.000                        | 8.100.000                       | 676.732.000                              | Đất ở có nhà ở sau ngày 15/10/1993 |
| 2    | Bà Nguyễn Thị Trên                       | Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận | 38                                | 26       | 175,80            | 98,70                                    | 0,00                                        | 77,10                 | Lô số 04, khu NO-06          | Khu TĐC vùng ngập lũ thôn Quảng Vân, Phước Thuận | Đường ĐS2, lộ giới 10m   | 5,0m x 20,10(21,33)m | 103,57               | 1,0                | 3.500.000                        | 8.100.000                       | 384.897.000                              | Đất có GCNQSD đất                  |
| 3    | Ông Phan Văn Hậu, bà Nguyễn Thị Ngọc Yến | Thôn Quảng Vân, xã Phước Thuận | 37                                | 26       | 180,30            | 111,20                                   | 0,00                                        | 69,10                 | Lô số 03, khu NO-06          | Khu TĐC vùng ngập lũ thôn Quảng Vân, Phước Thuận | Đường ĐS2, lộ giới 10m   | 5,5m x 22,67(21,33)m | 121,00               | 1,0                | 3.500.000                        | 8.100.000                       | 468.580.000                              | Đất có GCNQSD đất                  |
| Tổng |                                          |                                |                                   |          | 689,00            | 395,80                                   | 0,00                                        | 293,20                |                              |                                                  |                          |                      | 413,69               |                    |                                  |                                 | 1.530.209.000                            |                                    |